

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14- 3- 2023

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Tánh.

2. Bà Phạm Thị Lệ Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Như Yến – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978; địa chỉ: T 7, xã Đ huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày: Chị với anh Nguyễn Hữu T có tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2007 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi cưới thời gian đầu anh T cũng lo làm ăn, vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc. Sau thời gian chị sinh con đầu lòng vào tháng 10 năm 2006 giữa hai người bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung thường hay cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và anh T không có trách nhiệm với gia đình và con cái. Anh T thường ăn chơi, nhậu nhẹt, cờ bạc, phá hết tài sản chung do vợ chồng tích góp được, chị đã

khuyên can anh nhiều lần nhưng anh bỏ ngoài tai, chứng nào tật nấy, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có hướng khắc phục. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Do vậy, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng N1, sinh, ngày 24/10/2006 và Nguyễn Hoàng Yến N2, sinh ngày 18/01/2016. Hiện nay, 02 con đang sống với chị nên khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2022, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày: Anh với chị Võ Thị N là tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 26/02/2007. Sau khi kết hôn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh và chị N thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay anh và chị N không thể hàn gắn được nên chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 24/10/2006 và Nguyễn Hoàng Yến N2, sinh ngày 18/01/2016. Hiện nay, 02 con đang sống với chị N nên khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, anh đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Hữu T; giao 02 con chung Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 24/10/2006 và Nguyễn Hoàng Yến N2, sinh ngày 18/01/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Võ Thị N khởi kiện thì anh Nguyễn Hữu T đang cư trú tại t 7, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 26 tháng 02 năm 2007. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hữu T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của chị N thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian ngắn, sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do T thường xuyên chơi bài bạc, chửi bới, gây gổ với chị. Giữa chị N và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Do đó, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu T. Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã động viên chị N đoàn tụ với anh Thái, nhưng chị N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T. Hơn nữa bị đơn anh Thái cũng thừa nhận giữa anh và chị N đã xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định: Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 24/10/2006 và Nguyễn Hoàng Yên N2, sinh ngày 18/01/2016. Khi khởi kiện chị N có yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử thấy rằng: hiện nay 02 con chung đang sống cùng với chị N, 02 cháu N1 và Yên N2 đều có nguyện vọng muốn cùng với mẹ. Hơn nữa anh T cũng thống nhất giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 24/10/2006 và Nguyễn Hoàng Yên N2, sinh ngày 18/01/2016.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Võ Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N và anh T trình bày không có, Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228, 144, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 24/10/2006 và Nguyễn Hoàng Yến N2, sinh ngày 18/01/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Hữu T có quyền nghĩa vụ thăm con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có, Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị Nguyễn Thị Thu Nh đã nộp thay cho chị N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003575 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết theo quy định pháp luật;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sang

